ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48/2018/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 03 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1006/TTr-STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để áp dụng thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La với những nội dung như sau:

1. Đối tượng phải quy đổi ra số lượng khoáng sản nguyên khai là tất cả các loại khoáng sản thành phẩm *(kim loại và không kim loại)* thu được trong quá trình sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra.

2. Các tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản *(kim loại và không kim loại)* hợp pháp trên địa bàn tỉnh Sơn La có sản phẩm cuối cùng không phải là khoáng sản nguyên khai phải thực hiện việc quy đổi và khai báo số lượng quặng nguyên khai được quy đổi từ khoáng sản thành phẩm.

3. Tỷ lệ quy đổi được quy định cụ thể như sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Số TT	Loại khoáng sản nguyên khai	Quy cách, chất lượng thành phẩm	Tỷ lệ quy đổi
1	Quặng nikel	Tinh quặng nikel ≥ 9,5 %	4,1 tấn/1,0 tấn
2	Quặng đồng có hàm lượng Cu trung bình 1,0%	Đồng thương phẩm ≥ 99,9 %	111,0 tấn/1,0 tấn
3	Quặng đồng có hàm lượng Cu trung bình 2,5%	Đồng thương phẩm ≥ 99,9 %	45,0 tấn/1,0 tấn
4	Quặng Talcl	Đã qua chế biến	2,34 tấn/1,0 tấn
5	Quặng Magnezit	Bột Magnezit cỡ hạt ≤ 1mm MgO khoảng 30 %	1,7 tấn/1,0 tấn
6	Quặng antimon	Quặng thành phẩm antimon hàm lượng 45%	12,64 tấn/1,0 tấn
7	Đá xây dựng	Sản phẩm đá nghiền kích cỡ 0,5 cm đến 6cm	1,0m^3/1,2 m^3
8	Đá vôi *(xi măng)*	Đá vôi có hàm lượng CaO> 52%	1,0 tấn/1,0 tấn
9	Đá sét *(xi măng)*	Đá sét có hàm lượng SiO_2> 60%	1,0 tấn/1,0 tấn
10	Quặng sắt làm phụ gia xi măng *(mỏ Tu Rúc)*	Quặng sắt có hàm lượng sắt 27 - 35%	1,0 tấn/1,0 tấn
11	Đá phiến sét	Đá thành phẩm	1,0 m^3/4,256 m^2
12	Đất sét sản xuất gạch, ngói	- Sản xuất gạch 2 lỗ - Sản xuất gạch 4 lỗ - Sản xuất gạch 6 lỗ - Sản xuất gạch bát tràng - Sản xuất gạch đặc loại nhỏ	1,0 m^3/800 viên 1,0 m^3/600 viên 1,0 m^3/400 viên 1,0 m^3/400 viên 1,0 m^3/400 viên
13	Cát xây dựng	- Cát đen dùng trong xây dựng - Cát vàng dùng trong xây dựng - Cát trát - Cát nghiền	1,0m^3/1,0 m^3 1,0m^3/1,0 m^3 1,0m^3/1,0 m^3 1,0m^3/1,2 m^3
14	Cuội, sỏi, sạn	Cuội, sỏi, sạn dùng trong xây dựng	1,0m^3/1,0 m^3

4. Cách quy đổi từ số lượng quặng thành phẩm hoặc sản phẩm thương phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai được tính theo công thức sau:

Số lượng khoáng sản nguyên khai = Số lượng quặng thành phẩm x Tỷ lệ quy đổi.

Điều 2. Cục trưởng Cục thuế tỉnh Sơn La căn cứ nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định nhà nước hiện hành có liên quan thông báo và hướng dẫn cụ thể về tính phí bảo vệ môi trường để Chi cục thuế các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện quyết định này có những vướng mắc, khó khăn, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh và các sở, ngành và đơn vị có liên quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành tỷ lệ quy đổi số lượng quặng thành phẩm hoặc sản phẩm thương phẩm ra số lượng quặng nguyên khai.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Công thương, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường *(b/c)*;
- Bộ Tài chính *(b/c)*;
- TT tỉnh uỷ *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh Sơn La;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 35 bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Cầm Ngọc Minh

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn